

Góp phần vào việc nghiên cứu Nhân học trong hội nhập quốc tế hiện nay

Phạm Khiêm Ích^(*)

Tóm tắt: Giới nghiên cứu và giảng dạy Nhân học ở Việt Nam đang tập trung thảo luận chủ đề: “Lịch sử, Hiện trạng và Triển vọng của Nhân học”. Để góp phần thảo luận chủ đề này, bài viết trình bày 3 điểm sau đây:

- Hiện trạng nghiên cứu và giảng dạy Nhân học ở Việt Nam.
- Nhận thức lại Nhân học và những đặc trưng cơ bản của nó.
- Nhân học phức hợp: Đóng góp quan trọng của Edgar Morin vào sự phát triển của Nhân học đương đại.

Từ khóa: Nhân học, Nghiên cứu nhân học, Nhân học đương đại, Edgar Morin

I. Vài nét về hiện trạng nghiên cứu và giảng dạy Nhân học

Ở Việt Nam, Nhân học vẫn còn là một ngành học mới. Tên gọi cũng như đối tượng và phạm vi nghiên cứu của nó đang có nhiều cách hiểu khác nhau, nhất là mối quan hệ giữa Nhân học với Nhân chủng học, Nhân học với Dân tộc học, Nhân học với Nghiên cứu Con người.

1. Nhân học và Nhân chủng học

Năm 2007, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh cho xuất bản cuốn sách của E. Adamson Hoebel (1906-1993) với nhan đề *Nhân chủng học khoa học về con người* do Lê Sơn, Lê Trọng Nghĩa và Phạm Khương biên dịch từ sách nguyên gốc tiếng Anh -

Anthropology: The Study of Man (xuất bản lần thứ III năm 1966, Nhà xuất bản McGraw - Hill, New York). E. Adamson Hoebel là một nhà nhân học nổi tiếng, giáo sư danh dự Trường Đại học Minnesota (Mỹ), Chủ tịch Hội Dân tộc học Mỹ (American Ethnological Society - 1946-1947) và Chủ tịch Hiệp hội Nhân học Mỹ (American Anthropological Association - 1956-1957).

Theo chúng tôi, cuốn sách này nên dịch là *Nhân học: Nghiên cứu con người*. Đó cũng là định nghĩa ngắn gọn về Nhân học của E. Adamson Hoebel. Đây là một công trình khoa học lớn, cung cấp những tri thức cơ bản, có hệ thống về Nhân học (sách xuất bản lần thứ IV năm 1996, cập nhật hơn lần xuất bản thứ III). Rất tiếc rằng những người dịch và Nhà xuất bản đã làm giảm giá trị tác phẩm và làm sai lệch tư tưởng của tác giả khi dùng nhiều thuật ngữ và khái

^(*) PGS., Phó Chủ nhiệm Chương trình Dịch thuật Thông tin KHXH&NV, thuộc Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam; Nguyên Phó Viện trưởng Viện Thông tin KHXH; Email: ichphkh@yahoo.com.vn

niệm chưa chính xác, đặc biệt là khái niệm “Nhân chủng học”.

Mọi người đều biết, các nhà nhân học cuối thế kỷ XIX đã nỗ lực sắp xếp các cư dân trên thế giới thành những chủng tộc khác nhau. Việc làm này đã bị nhiều người lợi dụng để biện hộ cho chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Đến đầu thế kỷ XX, phần lớn các nhà nhân học, nhất là các nhà nhân học Mỹ, tiêu biểu là Franz Boas (được coi là người khai sinh ra ngành nhân học Mỹ), đã bác bỏ cách phân loại dựa trên chủng tộc.

Nhà nhân học nổi tiếng Claude Lévi-Strauss (1908-2009) trong cuốn sách *Race et Histoire (Chủng tộc và Lịch sử)*, Paris, UNESCO, 1952) đã nghiêm khắc bác bỏ mọi biểu hiện của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Ông khẳng định: “Cái tội tổ tông của nhân học là ở sự lẫn lộn khái niệm thuần túy sinh học về chủng tộc... với những sản phẩm xã hội học và tâm lý học của những nền văn hóa con người khác nhau”. Sự lẫn lộn này “đưa đến một sai lầm trí tuệ”.

Hiện nay đã là đầu thế kỷ XXI, chúng ta không có lý do gì để làm sống dậy khái niệm “Nhân chủng học”.

2. Nhân học và Dân tộc học (Ethnology)

Nhân học có mối quan hệ mật thiết với Dân tộc học. Trong quá trình phát triển, Dân tộc học hội nhập vào Nhân học, trở thành Nhân học văn hóa, hoặc Nhân học văn hóa - xã hội, như ở những nước nói tiếng Anh. Ở một số nước châu Âu, Dân tộc học tồn tại song song với Nhân học. Viện Dân tộc học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga đã đổi tên thành Viện Dân tộc học và Nhân học. Viện Dân tộc học thuộc Viện Hàn lâm KHXH Trung Quốc cũng được đổi tên thành Viện Dân tộc học và Nhân

học. Trong trường hợp tồn tại song song với Nhân học như vậy, “Dân tộc học ngày nay đã đổi mới về đối tượng, lý thuyết và phương pháp, do tiếp thu ưu thế của Nhân học” (Vương Xuân Tình và cộng sự, 2015, tr.128).

Ở Việt Nam hiện nay, quá trình chuyển đổi Dân tộc học sang Nhân học diễn ra khá muộn, vào những năm cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI. Từ đầu năm 2002 đến 2007, các bộ môn Dân tộc học thuộc khoa Lịch sử các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Huế mới tách ra thành Bộ môn Nhân học. Chỉ riêng ở Trường Đại học KHXH & NV thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ môn Nhân học mới tách ra thành bộ môn độc lập, trực thuộc Trường vào năm 2002 và đến tháng 2/2008 thành lập *Khoa Nhân học*. Đây là đơn vị đầu tiên trong cả nước đào tạo ngành Nhân học.

Ở Trường Đại học KHXH & NV thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Bộ môn Nhân học được thành lập năm 2004, nhưng vẫn thuộc Khoa Lịch sử, đến năm 2010 trở thành bộ môn độc lập, trực thuộc Trường và đến ngày 27/5/2015 có quyết định thành lập Khoa Nhân học.

Trong lĩnh vực nghiên cứu, việc chuyển đổi Dân tộc học thành Nhân học có nhiều khó khăn hơn, nói như GS.TS. NGND. Ngô Văn Lệ là “chưa có những chuyển động tích cực trong tổ chức, nhưng việc triển khai đào tạo sau đại học với mã ngành Nhân học đã có, là những tín hiệu về những thay đổi trong tương lai gần” (Ngô Văn Lệ, 2015, tr.16). Hiện nay, tại Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam vẫn có Viện Dân tộc học được thành lập từ năm 1968, nhưng tên giao dịch tiếng Anh của Viện Dân tộc học lại là Institute of Anthropology.

Viện Dân tộc học có 9 phòng nghiên cứu khoa học, trong đó 6 phòng nghiên cứu Dân tộc học, 3 phòng nghiên cứu Nhân học. Đó là các phòng Nhân học tôn giáo, Nhân học môi trường, Nhân học y tế và dân số.

Tại Học viện KHXH thuộc Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam không có khoa Nhân học, chỉ có khoa Dân tộc học, được xây dựng trên cơ sở đào tạo của Viện Dân tộc học. Khoa này “đang hướng tới đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ chuyên sâu về 8 lĩnh vực: Dân tộc học/ Nhân học văn hóa; Dân tộc học/ Nhân học xã hội; Dân tộc học/ Nhân học y tế; Dân tộc học/ Nhân học đô thị; Dân tộc học/ Nhân học môi trường; Dân tộc học/ Nhân học kinh tế; Dân tộc học/ Nhân học ngôn ngữ; Dân tộc học/ Nhân học phát triển” (Học viện KHXH, 2013).

3. Nhân học và Nghiên cứu Con người

Ở Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam đã có Viện Dân tộc học (đang trong quá trình chuyển đổi sang Nhân học), đồng thời lại có Viện Nghiên cứu Con người (The Institute of Human Studies, thành lập năm 1999). Theo PGS.TSKH. Lương Đình Hải, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Con người, ý tưởng thành lập một viện nghiên cứu độc lập về con người đã xuất hiện từ cuối những năm 70 thế kỷ trước, nhưng không trở thành hiện thực. Đến cuối những năm 1990, ý tưởng đó đã trở lại và việc thành lập Viện Nghiên cứu Con người đã “được tiến hành nhanh chóng và hiệu quả bằng sự nỗ lực của GS.TSKH. Phạm Minh Hạc và một số nhà khoa học, nhà quản lý” (Lương Đình Hải, 2014, tr.3). Viện có nhiệm vụ chủ yếu: “Nghiên cứu cơ bản về khoa học con người; Nghiên cứu lý luận và phương pháp luận về khoa học con người” (Lương Đình Hải, 2014, tr.7).

Để bảo vệ “sự cùng tồn tại” của cả hai viện này trong Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, những nhà quản lý khoa học phải ra sức chứng minh “sự khác biệt giữa Nhân học và Nghiên cứu Con người”. PGS.TS. Vương Xuân Tình, Viện trưởng Viện Dân tộc học, không thể làm khác được, trước sự việc đã rồi. Ông và các cộng sự đành phải thừa nhận không thể coi Nghiên cứu Con người và Nhân học chỉ là một, như 10 năm qua vẫn tưởng. Điều đó sẽ dẫn tới việc xử lý không đúng về chức năng đào tạo và nghiên cứu của Viện Dân tộc học và Viện Nghiên cứu Con người. Phải khẳng định dứt khoát đây là hai ngành khoa học khác nhau: “Điểm khác biệt cơ bản của hai ngành khoa học nói trên là: 1) Nhân học là khoa học chuyên ngành, có lý thuyết, phương pháp nghiên cứu chuyên biệt; 2) Nghiên cứu Con người là khoa học liên ngành, không có lý thuyết, phương pháp nghiên cứu riêng, mà thường áp dụng lý thuyết, phương pháp nghiên cứu của các ngành, ứng với trường hợp nghiên cứu cụ thể. Bởi thế, khoa học nghiên cứu con người không phải là Nhân học; và thực chất, Nhân học chỉ là một trong những ngành của KHXH nhân văn trong thực hiện liên ngành của Nghiên cứu Con người” (Vương Xuân Tình và cộng sự, 2015, tr.133).

Các tác giả rút ra kết luận: “Diễn trình lịch sử về mối quan hệ giữa Nhân học và Nghiên cứu Con người ở Việt Nam trong thời gian qua là một bài học về nhận thức và quản lý khoa học. Bài học đó cho thấy, khi xây dựng cơ sở cho sự phát triển của một ngành khoa học ở nước ta, cần phải được nghiên cứu thấu đáo, và trên hết, cần phải công tâm về khoa học” (Vương Xuân Tình và cộng sự, 2015, tr.134).

Hiện nay Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam có 30 viện và 3 trung tâm nghiên cứu khoa học trực thuộc, được sắp xếp vào 6 khối. Nếu không có sự đổi mới và hội nhập quốc tế thật sự thì Viện Hàn lâm sẽ giống như một buồng cau gồm 33 quả, được sắp xếp khá tùy tiện. Chẳng hạn Viện Triết học và Viện Tâm lý học được xếp vào Khối KHXH (Trên thế giới không ai làm thế. Triết học và Tâm lý học là hai bộ phận hợp thành quan trọng của Khoa học Nhân văn); Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới được xếp vào Khối Khoa học nhân văn, khác với Viện Xã hội học. Viện Nghiên cứu Con người được xếp vào Khối KHXH, khác với Viện Dân tộc học/ Nhân học (Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, 2015.)

Những hạn chế trên đây chứng tỏ sự bất cập của mô hình khoa học Xô viết. Từ những năm 1960, nghiên cứu Dân tộc học theo mô hình Xô viết từng bước được xây dựng, phát triển ở Việt Nam và có những đóng góp quan trọng cho Nhà nước và xã hội. Tuy nhiên, mô hình này ngày càng bộc lộ những hạn chế. Suốt 70 năm dưới chính quyền Xô viết, Liên Xô *không hề có Nhân học*. Lý do đơn giản chỉ vì người ta quan niệm “Nhân học là khoa học của phương Tây, của tư sản”. 25 năm tại nước Nga hậu Xô viết cũng chỉ có “*một nửa nhân học*” (*Viện Dân tộc học và Nhân học* thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga). Giờ đây nếu chúng ta tiếp tục theo mô hình khoa học Xô viết là đi vào ngõ cụt. Việc chuyển từ Dân tộc học sang Nhân học là xu thế tất yếu, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế.

Cần nhấn mạnh rằng quá trình chuyển đổi từ Dân tộc học sang Nhân học (chúng tôi tạm gọi là “chuyển đổi lần thứ nhất”) đã diễn ra ở Việt Nam

cách đây hơn 70 năm, từ cuối những năm 1930 khi ban Dân tộc học của Học viện Viễn Đông Bác cổ Pháp (EFEO) hợp nhất với Viện Giải phẫu thuộc trường Đại học Y khoa Hà Nội thành *Viện Đông Dương Nghiên cứu Con người* (L’Institut Indochinois pour l’étude de l’Homme - IIEH). Ngày 4/11/1937, 7 nhà khoa học Pháp và 8 nhà khoa học Việt Nam gồm các ông George Coedès, Vitor Goloubew, Jean Yves Claeys, Louis Bezacier, Paul Lévy, Nguyễn Văn Tố, Trần Văn Giáp, Nguyễn Văn Khoan, Nguyễn Văn Huyền (thuộc EFEO) và các bác sĩ P. Huard, A. Bigot, Đỗ Xuân Hợp, Tôn Thất Tùng, Đào Huy Hách, Nguyễn Xuân Nguyên (thuộc Trường Đại học Y khoa Hà Nội) đã quyết định thành lập IIEH và soạn thảo Quy chế của Viện với những nguyên tắc hoạt động phỏng theo Quy chế của Viện Nhân học Pháp (L’Institut français d’Anthropologie, thành lập năm 1911 tại Paris). Toàn quyền Đông Dương J. Brévié đã ký Nghị định số 619 ngày 03/02/1938 về việc thành lập Viện và chuẩn y Quy chế trên.

Chính quyền Đông Dương nỗ lực xây dựng IIEH thành một cơ quan khoa học thật sự, có uy tín, nhằm mục đích “tăng cường sự hiểu biết về Con người cả về thể chất và về xã hội ở vùng Viễn Đông” (IIEH, 1938, tr.10; Ngô Thế Long, 2009, tr.34).

Trong buổi khai trương Viện ngày 5/4/1938, Chủ tịch IIEH, ông George Coedès, đã phát biểu: “Đây là một chương trình rộng rãi chỉ có thể thực hiện bằng sự hợp tác của các chuyên gia thuộc các bộ môn khác nhau: Giải phẫu học, sinh lý học, bệnh lý học, dân tộc học, xã hội học, lịch sử...”. Ông cũng đánh giá cao vai trò của các nhà khoa học, các bác sĩ Việt Nam.

IIEH đã xuất bản 6 tập san từ năm 1938 đến 1944, trong đó đã công bố nhiều công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến con người, chủ yếu ở Đông Dương và các nước khác trong vùng Viễn Đông. Nhiều công trình của Viện cho đến nay vẫn còn có giá trị rất lớn trong khoa học, đặc biệt trong y học, nhân học, dân tộc học, văn hóa dân gian, khảo cổ học, lịch sử, dân số... *Điều quan trọng nhất là IIEH đã đặt nền móng vững chắc cho việc nghiên cứu tổng thể về con người theo hai hướng: Nhân học hình thể và Nhân học văn hóa.* Tiêu biểu cho hai hướng nghiên cứu này là hai nhà Nhân học Đỗ Xuân Hợp (1906-1985) và Nguyễn Văn Huyền (1905-1975).

GS.BS. Đỗ Xuân Hợp và GS.TS. Nguyễn Văn Huyền là hai nhà khoa học cùng thời. Hai ông cùng cống hiến to lớn cho sự hình thành và phát triển nhân học ở Việt Nam, nhưng từ hai hướng khác nhau. GS.BS. Đỗ Xuân Hợp theo hướng *Nhân học hình thể* (Nhân học thể chất, Nhân học sinh vật), quan tâm nghiên cứu con người với tư cách là cơ thể sinh vật, làm rõ những đặc điểm về thể chất, về hình thái của người Việt Nam. Còn GS.TS. Nguyễn Văn Huyền theo hướng *Nhân học Văn hóa*, “đôi khi còn được gọi là Nhân học xã hội - văn hóa, Nhân học xã hội, hay Dân tộc học” (Emily. A. Schultz, Robert H. Levenda, 2001, tr.16). Nhân học hình thể và Nhân học văn hóa là hai chuyên ngành chủ chốt của Nhân học, mà việc nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển Nhân học ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX không thể không đặc biệt quan tâm.

GS.BS. Đỗ Xuân Hợp - nhà giải phẫu học bậc thầy - là một trong số các thành viên sáng lập IIEH. Theo nhà báo Hàm Châu, Đỗ Xuân Hợp “là người đầu tiên nghiên cứu có hệ thống về các đặc

điểm giải phẫu của người Việt Nam, kể cả ngón chân Giao Chỉ, nghiên cứu các tác phẩm điêu khắc nơi chùa chiền, đền miếu”. Ông bảo vệ luận án tốt nghiệp bác sĩ y khoa (năm 1944) về *Nghiên cứu hệ thống xương người Việt Nam*. Sau những năm giảng dạy và miệt mài nghiên cứu, ông đã thu được một khối lượng rất lớn những tài liệu quý về giải phẫu hình thái và nhân chủng của các dân tộc trên đất nước Việt Nam, cũng như trong toàn cõi Đông Dương. Ông cũng đã công bố trên Tập san của IIEH nhiều bài nghiên cứu về sọ của người Tây Nguyên; nghiên cứu về bàn chân của người Việt; nghiên cứu về xương đùi của người Việt; chỉ số và dạng eo trên của xương chậu phụ nữ Việt Nam; sự thích ứng của xương chi dưới của người Việt khi đi bộ và khi ngồi xổm; nghiên cứu giải phẫu và nhân học về bà vai của người Việt; sự tăng trưởng của nam nữ học sinh ở Hà Nội. Ông còn công bố một số công trình có giá trị về não, mạch máu, dây thần kinh, tuyến thượng thận của người Việt.

Năm 1942, Đỗ Xuân Hợp cùng người thầy của mình là GS. Pierre Huard cho xuất bản cuốn *Morphologie humaine et anatomie artistique (Hình thái học người và giải phẫu nghệ thuật*, Nhà xuất bản L'instruction publique en Indochine, Hà Nội, 1942). Theo nhận xét của GS.TS. Lê Gia Vinh, đó quả là một bộ sưu tập phong phú, một công trình nghiên cứu nghiêm túc, làm cơ sở cho nhiều ngành khoa học: Y học, nhân chủng học, khảo cổ học, mỹ thuật học. Cuốn sách đã gây tiếng vang trên diễn đàn y học Pháp và Đông Dương, và đã được Viện Hàn lâm Y học Pháp quyết định tặng giải thưởng TESTUT năm 1949 - Giải thưởng mang tên nhà Nhân học nổi tiếng thế giới Jean Leo Testut

(1849-1925). Đó giải thưởng lớn nhất của ngành giải phẫu học quốc tế thời ấy.

Đỗ Xuân Hợp nghiên cứu chuyên sâu về nhân trắc học và hình thái học người, là tác giả của 125 công trình khoa học trong lĩnh vực này (1934-1985), cống hiến to lớn vào sự hình thành và phát triển Nhân học nói chung và Nhân học hình thể ở Việt Nam nói riêng. Tác phẩm lớn nhất của ông là bộ sách *Giải phẫu học* (gồm 4 tập với gần 2.000 trang, 900 hình vẽ minh họa) được ông viết và chỉnh sửa trong gần 20 năm (1952-1971). Trong bộ sách này ngoài những kiến thức kinh điển rút ra từ những tài liệu giải phẫu nước ngoài, ông còn bổ sung những đặc điểm hình thái của người Việt Nam do chính ông khảo sát và công bố đầu tiên.

Năm 1946, ông tình nguyện tham gia quân đội. Ông từng làm Viện trưởng Viện Quân y khu X (1950-1960), Chủ nhiệm Bộ môn giải phẫu Đại học Y khoa Hà Nội (1954-1985), Giám đốc đầu tiên Học viện Quân y (1960-1978). Ông được thụ phong quân hàm Thiếu tướng và học hàm Giáo sư năm 1955, danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 1985, được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996 cho công trình *Giải phẫu mô tả và nhân trắc học người Việt Nam*.

Còn GS.TS. Nguyễn Văn Huyền được giới chuyên môn ở Việt Nam đánh giá “là người cùng học giả Đào Duy Anh đặt nền móng cho nghiên cứu văn hóa, văn minh Việt Nam”. Trong khi nhà sử học Đào Duy Anh khảo sát lịch sử văn hóa Việt Nam thì Nguyễn Văn Huyền tập trung vào nghiên cứu Nhân học văn hóa.

Nhân học văn hóa có phạm vi bao quát rất rộng. Điều quan trọng là biết

chọn lựa đối tượng nghiên cứu và phương pháp tiếp cận thích hợp.

Ngay từ đầu, Nguyễn Văn Huyền đã chọn Hát đối của nam nữ thanh niên Việt Nam và Cư trú nhà sàn ở Đông Nam Á làm đề tài cho luận án tiến sĩ của mình ở Sorbonne - luận án chính và luận án phụ. Năm 1934, ông đã bảo vệ xuất sắc hai bản luận án này và được Chủ tịch Hội đồng chấm luận án là Vendryès coi đó “là một sự kiện lớn trong lịch sử Sorbonne”. GS. Hà Văn Tấn từng nhấn mạnh rằng, luận án của Nguyễn Văn Huyền đã giới thiệu cho thế giới một khía cạnh của tâm hồn và văn hóa Việt Nam.

Nguyễn Văn Huyền từng làm việc ở EFEO. Ở đây ông đã tập trung tinh lực chủ yếu cho việc nghiên cứu tín ngưỡng và thiết chế xã hội nông thôn Việt Nam. Ông chú ý trước tiên đến tục thờ thành hoàng như Lý Phục Man, Phù Đổng, Tản Viên, Chủ Đồng Tử. Ông cũng nghiên cứu lễ hội làng xã, các ngày lễ tiết trong năm như: Tết Nguyên Đán, Thanh minh, Đoan ngo, Trung thu, nghiên cứu kiến trúc, địa lý học lịch sử, cấu trúc giai tầng trong xã hội. Đặc biệt, ông đi sâu nghiên cứu tín ngưỡng thần tiên của Việt Nam. Cuốn sách *Tục thờ cúng thần tiên của Việt Nam*, xuất bản năm 1944, là một công trình khoa học công phu. Nhờ cuốn sách này mà bạn đọc sẽ phát hiện được một khía cạnh còn ít được biết đến của tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam, cảm nhận được một hương thơm kín đáo, chất thơ tinh tế của những truyền thuyết Việt Nam. Những nghiên cứu của Nguyễn Văn Huyền cho thấy định hướng của tác giả là khám phá bản sắc của văn hóa và văn minh Việt Nam.

Cuốn *Văn minh Việt Nam* cũng là một công trình khoa học lớn của Nguyễn

Văn Huyền, hoàn thành năm 1939, xuất bản năm 1944 tại Hà Nội. Đây là một công trình tổng hợp, đặt con người Việt Nam trong mối quan hệ với Nhà (Gia đình), Làng và Nước, trình bày khái quát cả về văn hóa vật chất cũng như văn hóa tinh thần của người Việt Nam, làm rõ tính cách của người Việt. Ông phân tích toàn diện chỗ mạnh và chỗ yếu, cái hay và cái dở của con người Việt Nam, đồng thời khẳng định mạnh mẽ rằng: “Người Việt không thiếu dũng cảm. Họ ghét chiến tranh và khinh bỉ các biểu hiện của bạo lực. Nhưng họ có khả năng kháng cự lâu dài trong những điều kiện thiếu thốn tệ hại nhất, chống lại những lực lượng mạnh hơn họ về số lượng và chất lượng. Dân tộc này đã chẳng đương đầu trong nhiều thế kỷ với một nước Trung Hoa mạnh hơn họ rất nhiều đó sao? Và lại người nông dân Việt Nam có thể trở thành người lính dũng cảm và bền bỉ, có sức xông lên mạnh mẽ nếu họ được chỉ huy tốt và được ý thức về nghĩa vụ động viên” (Nguyễn Văn Huyền, 1996, tr.561).

Nguyễn Văn Huyền là người “có trí tuệ và tầm nhìn của một nhà Nhân học, nhà bác học”. Ông cũng để lại cho hậu thế phương pháp tiếp cận Nhân học. Đó là “cách làm việc bám sát thực tiễn, thực hiện các quan sát tham dự và phỏng vấn, lắng nghe cộng đồng, kiên trì thực hiện cách tiếp cận nhân học này vào công việc của mình, biến nó thành phong cách Nguyễn Văn Huyền” (Nguyễn Văn Huy, 2015 tr.144).

Sau Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Văn Huyền bỏ dở các công trình nghiên cứu Nhân học, hiến thân cho sự nghiệp giáo dục nhân dân. Ông được cử làm Tổng Giám đốc Đại học vụ và từ tháng 11/1946 đến khi mất (năm 1975) làm Bộ

trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Đánh giá về GS.TS. Nguyễn Văn Huyền, GS. Trần Quốc Vượng viết: “Ông là một nhà khoa học nhân văn lớn và hiện đại đầu tiên ở nửa đầu thế kỷ XX này... Giới nghiên cứu trẻ/già hôm nay còn được học và phải học ở ông nhiều về phương pháp luận và các phương pháp tiếp cận những sự kiện nhân văn, vừa cụ thể, vừa tổng thể”.

Với trí tuệ, tầm nhìn và phương pháp khoa học của một nhà bác học như vậy, Nguyễn Văn Huyền đã tạo cho Nhân học ở Việt Nam một nền tảng vững chắc vào nửa đầu thế kỷ XX. Do hoàn cảnh chiến tranh và nhiều lý do khác, chúng ta đã bỏ hoang phế kho tàng quý báu này suốt 70 năm qua. Giờ đây kế thừa và phát huy những thành quả cha ông đã đạt được là nhiệm vụ không thể chậm trễ.

II. Nhận thức lại Nhân học và những đặc trưng cơ bản của nó

Ý kiến của các tác giả về những khác biệt cơ bản của Nhân học với Nghiên cứu Con người (như đã nêu) đã đặt ra nhiều vấn đề cần thảo luận về đối tượng và phương pháp nghiên cứu Nhân học. Chẳng hạn Nhân học có là ngành học về bản chất của con người không? Nhân học là bộ môn chuyên ngành hay liên ngành? v.v...

Những câu hỏi trên đây nếu đặt ra ngoài khung cảnh cụ thể của Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam như trên sẽ rất vô lý. Nhân học không nghiên cứu con người thì nghiên cứu cái gì? Sao lại có “sự khác biệt” giữa Nhân học với chính nó?

1. Mọi người đều biết **Nhân học** theo nghĩa đen của nó là **nghiên cứu con người**. Thuật ngữ “Anthropology” bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp gồm

anthropos (Human being, Man - con người) và -logia (study - nghiên cứu) = anthropologia.

Giữa thế kỷ XVII, thời Phục Hưng, lần đầu tiên Anthropologia được dịch sang tiếng Pháp là L'Anthropologie, được giải thích là “khoa học về con người” (la science qui traite de l'homme). Sau đó nó mới được dịch sang tiếng Anh là Anthropology.

Tuy nhiên phải hơn 2 thế kỷ sau, đến những năm 80 của thế kỷ XIX, Nhân học mới trở thành một ngành học, được giảng dạy ở trường đại học. Hai sự kiện đánh dấu sự ra đời của Nhân học với tư cách là ngành học hàn lâm: Năm 1884, Hầu tước Edward Tylor được bổ nhiệm làm Giảng sư Nhân học Trường Đại học Oxford (Anh quốc) và năm 1889 Franz Boas được bổ nhiệm vào Trường Đại học Clark (Mỹ) (The Encyclopedia Americana, 2001).

Từ hơn một thế kỷ nay, nhất là từ giữa thế kỷ XX, Nhân học phát triển ngày càng mạnh mẽ và rộng khắp, đưa lại những hiểu biết phong phú và sâu sắc về con người, về các cộng đồng người, phục vụ ngày càng có hiệu quả cho sự phát triển mọi mặt đời sống con người ở nhiều nơi trên thế giới.

Nhân học luôn luôn được xác định là ngành học về con người, về nhân loại. Điều này được nêu rõ trong các từ điển đáng tin cậy như The Oxford Dictionaries, các bộ bách khoa thư nổi tiếng như The Encyclopedia Britannica, The Encyclopedia Americana (2001), Encyclopaedia Universalis (Paris, 1990), v.v...

Hiệp hội Nhân học Mỹ (American Anthropological Association - AAA, thành lập năm 1902, gồm 11.000 hội viên) định nghĩa: “Nhân học nghiên cứu

con người (Study of humans), quá khứ và hiện tại của con người. Để thấu hiểu toàn bộ và tính phức hợp của các nền văn hóa trong lịch sử nhân loại, phải rút ra và xây dựng tri thức từ các KHXH và sinh học, cũng như các khoa học nhân văn và các khoa học vật lý. Mối quan tâm chủ yếu của các nhà nhân học là áp dụng tri thức để giải quyết những vấn đề của con người” (*What is Anthropology?*, 2013). Đặc trưng của Nhân học là “nhiều tính nhân văn nhất của các khoa học và nhiều tính khoa học nhất của các khoa học nhân văn”.

Cuốn *Nhân học, một quan điểm về tình trạng nhân sinh* là giáo trình đầu tiên về nhân học được dịch và xuất bản ở Việt Nam, có sự chọn lựa cẩn thận của GS.TS. Lương Văn Hy, Chủ nhiệm Khoa Nhân học, Đại học Toronto, Canada. Các tác giả cuốn sách đã định nghĩa về Nhân học như sau: “Nhân học là một ngành học về bản chất con người, xã hội con người, và quá khứ con người. Đây là một ngành học có mục đích miêu tả thế nào là con người theo một nghĩa rộng nhất có thể có được” (Emily A. Schultz, Robert H. Levenda, 2001, tr.10-11).

2. Nhân học nghiên cứu con người, nhưng không phải mọi nghiên cứu con người đều là Nhân học. Nhân học có bốn đặc trưng cơ bản sau đây:

1/ Để miêu tả thế nào là con người, Nhân học phải sử dụng những thành tựu của nhiều ngành khoa học nghiên cứu các khía cạnh khác nhau của đời sống con người, kết hợp với những dữ kiện riêng của mình để tạo nên một cách nhìn *toàn vẹn, tổng thể* (holistic^(*))

(*) Chữ “holistic” rất khó dịch. GS. Cao Xuân Huy sử dụng một thuật ngữ tương đương là “chủ toàn”. Chủ toàn và chủ biệt là hai phương thức

về con người và tình trạng nhân sinh. *Holistic là đặc điểm trung tâm của quan điểm Nhân học.*

2/ Để khái quát hóa bản chất con người, xã hội con người và quá khứ con người đòi hỏi phải có các cứ liệu từ nhiều xã hội khác nhau, càng nhiều càng tốt, so sánh, đối chiếu các cứ liệu ấy. *Nhân học là một khoa học đối chiếu.*

3/ Để đưa ra những khái quát hóa có giá trị qua thời gian và không gian về câu hỏi thế nào là con người, các nhà nhân học phải quan tâm nghiên cứu quá trình tiến hóa sinh học và quá trình tiến hóa văn hóa của con người từ thời tiền sử đến nay. *Quan điểm nhân học, trong cốt lõi của nó là quan điểm tiến hóa* (Emily A. Schultz, Robert H. Levenda, 2001, tr.11, 32).

4/ Trong quá trình tiến hóa dài lâu, sự hình thành của con người gắn liền với sự xuất hiện của văn hóa. Con người là một chủng loài sinh vật - văn hóa (biocultural). Kết cấu sinh vật do gen kiểm soát, bao gồm bộ não, hệ thần kinh và cấu tạo cơ thể làm cho con người trở thành loài sinh vật có thể sáng tạo văn hóa và sử dụng văn hóa. Văn hóa được hiểu là tập hợp những hành vi và quan niệm mà con người học hỏi được với tư cách là thành viên của xã hội. *Khái niệm văn hóa là khái niệm trung tâm của quan điểm Nhân học.*

tư tưởng của nhân loại. GS. Nguyễn Hoàng Phương đề nguyên "holistic" không dịch, xem đây là "một phong cách tư duy khác", bắt nguồn từ triết học cổ phương Đông, đang cần được phát huy trong thời đại ngày nay. Thuật ngữ "holism" được Jan Smuts, một chính khách và triết gia Nam Phi, sử dụng đầu tiên năm 1926. Từ cuối thế kỷ XX, thuật ngữ này được dùng rộng rãi trong khoa học, đòi hỏi phải nhìn nhận hệ thống phức hợp như một tổng thể, chứ không phải là tổng số các bộ phận riêng rẽ, biệt lập.

3. Nhân học là lĩnh vực nghiên cứu liên ngành. Nghiên cứu liên ngành không đối lập, hoặc bác bỏ nghiên cứu chuyên ngành. "Liên ngành được đặc trưng bởi sự tham gia, hoặc sự hợp tác của hai chuyên ngành, hay hai lĩnh vực nghiên cứu trở lên" (Interdisciplinary. Encyclopedia, 2015). Sở dĩ cần phải có sự tham gia hoặc hợp tác của nhiều chuyên ngành là vì trong thực tế có nhiều vấn đề rộng lớn, phức tạp mà nghiên cứu chuyên ngành không thể giải quyết được.

Nhân học nghiên cứu tổng hợp về bản chất con người, xã hội con người và lịch sử con người có nội dung phong phú, đa dạng. Nội dung ấy khó có thể xếp vào trong bảng phân loại chuẩn các ngành học thuật. Cho nên "nhân học thường được xếp vào ngành KHXH, nhưng nó cũng vươn tới các khoa học tự nhiên và các ngành khoa học nhân văn".

Trong Nhân học, đôi khi còn gọi là "Nhân học đại cương" (General anthropology) có nhiều chuyên ngành.

Các nhà nhân học Pháp chú trọng 5 chuyên ngành chính: 1/ Nhân học kinh tế (Anthropologie économique); 2/ Nhân học lịch sử (Anthropologie historique); 3/ Nhân học hình thể (Anthropologie physique); 4/ Nhân học chính trị (Anthropologie politique); 5/ Nhân học tôn giáo (Anthropologie religieuse). Các chuyên ngành này có quan hệ hữu cơ và "tham vọng của nhân học, theo nghĩa rộng nhất của từ này, là tập hợp tất cả mọi chuyên ngành nghiên cứu con người vào trong một nhãn quan tổng thể" (perspective globalisante) (Encyclopaedia Universalis, 1990).

Tại Hoa Kỳ, ngành Nhân học thường có 5 chuyên ngành chính: 1/ Nhân học hình thể (nhân học sinh vật);

2/ Nhân học văn hóa; 3/ Nhân học ngôn ngữ; 4/ Khảo cổ học; 5/ Nhân học ứng dụng. Các chuyên ngành này không tồn tại biệt lập, mà là những bộ phận hợp thành của Nhân học thống nhất, theo quan điểm holistic về con người (Emily A. Schultz, Robert H. Levenda, 2001, tr.13, 14).

Với những đặc điểm trên đây, nhân học đương đại đang đáp ứng những nhu cầu bức thiết của thời đại. Các nhà nhân học Hoa Kỳ James Lowe Peacock, Timothy A. Pettyjohn và Marilyn Trent Grunkemeyer xác nhận rằng: “Sứ mệnh của nhân học là thấu hiểu tính phong phú và tính phức hợp của sự đa dạng của con người trong các chiều cạnh lịch sử, sinh học, ngôn ngữ và văn hóa của nó. Đây có lẽ là điều có tầm quan trọng sống còn hơn bao giờ hết”.

(Còn nữa)

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Claude L. Lévi-Strauss (1952), *Race et Histoire (Chủng tộc và Lịch sử)*, UNESCO, Paris.
2. Emily A. Schultz, Robert H. Levenda (2001), *Nhân học, một quan điểm về tình trạng nhân sinh*, Phan Ngọc Chiến và Hồ Liên biên dịch, Lương Văn Hy hiệu đính, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Encyclopedia Americana (2001). International Edition, Grolier, Vol.2.
4. Encyclopaedia Universalis (1990), Éditeur à Paris.
5. Lương Đình Hải (2014), “Diễn văn kỷ niệm 15 năm thành lập Viện Nghiên cứu Con người”, *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 6.
6. Học viện KHXH (2013), *Giới thiệu chung Khoa Dân tộc học*, <http://gass.edu.vn/Detail.aspx?ArticleID=1362&CatID=&IDMenu=26>
7. Nguyễn Văn Huy (2015), “Nhà dân tộc học/Nhân học Nguyễn Văn Huyền và tầm nhìn trong giáo dục về văn minh Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1&2.
8. Nguyễn Văn Huyền (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, Tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. IIEH (1938), *L'Institut Indochinois pour l'Etude de l'Homme. Compte rendu des séances de l'année 1938* (Viện Đông Dương Nghiên cứu Con người. Tổng thuật các phiên họp năm 1938).
10. “Interdisciplinary”, Encyclopedia Britannica, cập nhật ngày 23/3/2015.
11. Ngô Văn Lệ (2015), “Từ Dân tộc học đến Nhân học: Tiếp cận từ phương pháp nghiên cứu”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1&2.
12. Ngô Thế Long (2009), “Vài nét về Viện Nghiên cứu Con người Đông Dương (1937-1944)”, *Tạp chí Thông tin KHXH*, số 2.
13. Vương Xuân Tình, Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Hồng Hạnh, Trần Minh Hằng, Nguyễn Công Thảo (2015), “Sự khác biệt giữa Nhân học và Nghiên cứu Con người”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1&2.
14. Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam (2015), *Các đơn vị trực thuộc*, www.vass.gov.vn/noi_dung/cac_vien_nghien_cuu/Pages/don-vi-truc-thuoc.aspx?ItemID=73,74
15. *What is Anthropology?*, www.aaa.net.org/about/what_is_anthropology/cfm, cập nhật ngày 10/8/2013.